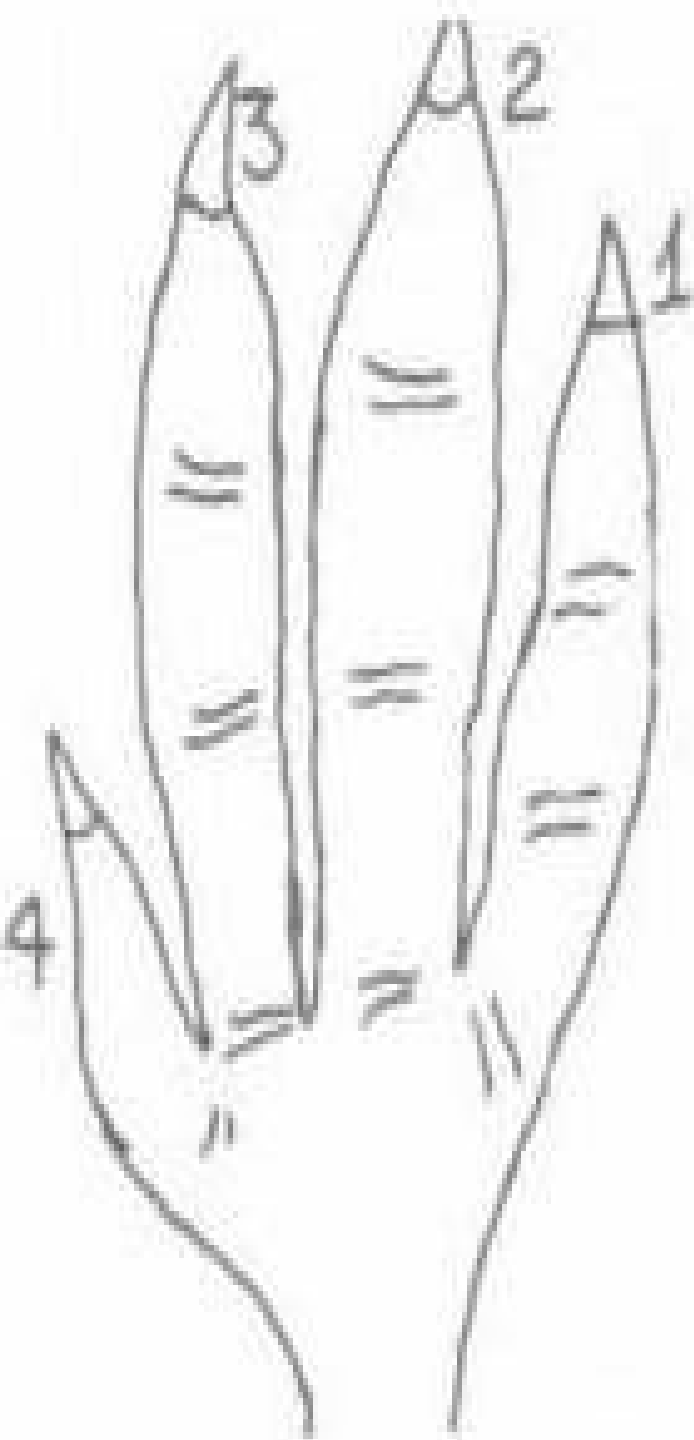


chân trái



chân phải



1. ngón ngoài (hay còn gọi ngón ngoài)
2. ngón cái
3. ngón trong
4. ngón cun (hay còn gọi ngón út hoặc tiểu chi)

XEM QUÊ CHÂN GÀ

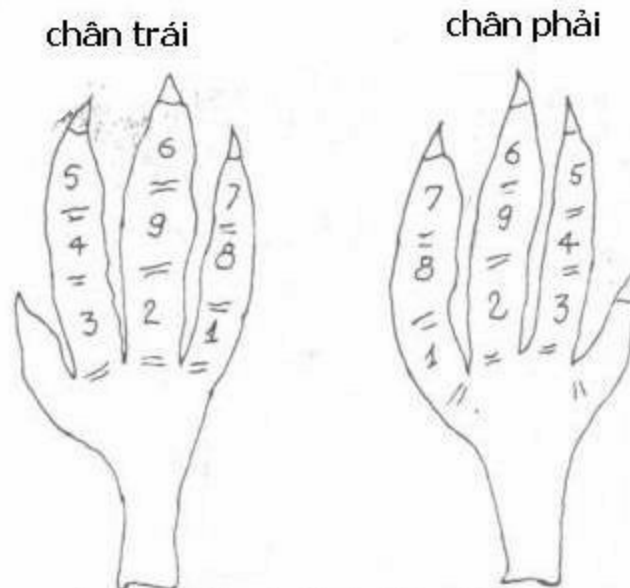
- [1. Hình vẽ miêu tả](#)
- [2. Lễ và chuẩn bị xem chân gà](#)
- [3. Cúng ông hành khiển, hành binh](#)
- [4. Bài phú coi giò gà](#)
- [5. Xem chân gà](#)
- [6. Xem đầu gà](#)
- [7. Xem huyết gà](#)
- [8. Xem huyết thuận bốn mùa](#)
- [9. Phương hướng chỉ dẫn huyết của gia truyền](#)
- [10. Luận đoán xem về thổ trạch](#)
- [11. Luận đoán xem về phần mộ](#)
- [12. Xem về bệnh tật](#)
- [13. Xem về bệnh có chết hay không](#)
- [14. Xem cho dân làng](#)
- [15. Xem quẻ cầu tài](#)
- [16. Xem về xuất hành](#)
- [17. Xem tổng luận](#)
- [18. Xem lành hay dữ](#)
- [19. Xem về mắt của người nào lấy](#)
- [20. Xem phần mộ](#)
- [21. Xem về việc an táng](#)
- [23. Xem bát quái](#)
- [24. Biểu đồ ngũ hành](#)
- [25. Lại bàn](#)
- [26. Các cách](#)

1. Hình vẽ miêu tả

A. Hình vẽ tên các ngón chân gà (để ngửa lòng bàn chân lên, tức là mặt âm ngửa lên):

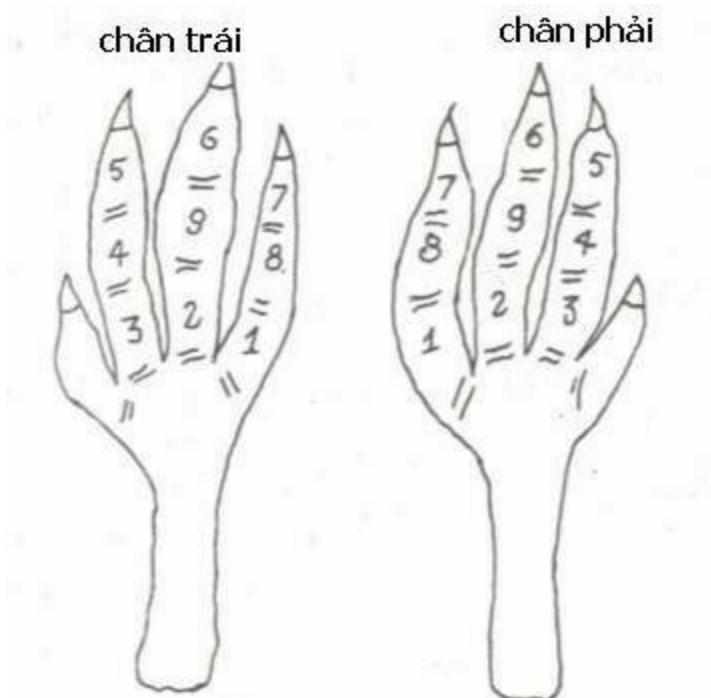


B. Hình vẽ các cung bát quái bàn chân gà, và chia bốn mùa (để ngửa lòng bàn chân lên):



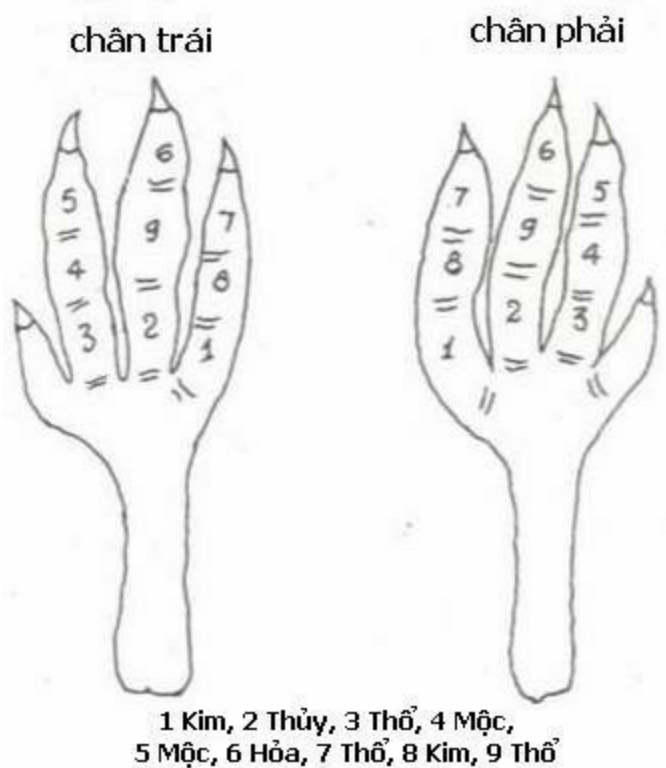
1.càn 2.khảm 3.cần 4.chấn 5.tồn 6.ly
 7.khôn 8.đoài 9.cung trung
 mùa xuân ở chấn, mùa hạ ở ly,
 mùa thu ở đoài, mùa đông ở khảm.

C. Hình vẽ các phương hướng ở các cung của chân gà (để ngửa lòng bàn chân lên):



1 Tây Bắc, 2 Bắc, 3 Đông Bắc, 4 Đông, 5 Đông Nam,
 6 Nam, 7 Tây Nam, 8 Tây, 9 Cung Giữa(cung trung)

D. Hình vẽ các cung ngũ hành ở các giống chân gà (để ngửa lòng bàn chân):



E. Hình vẽ 12 đơn vị địa chi ở các giống ngón chân gà (để ngửa lòng bàn chân):

chân trái



chân phải



1 Tý, 2 Sửu, 3 Dần, 4 Mão, 5 Thìn, 6 Tỵ,
7 Ngọ, 8 Mùi, 9 Thân, 10 Dậu, 11 Tuất, 12 Hợi

F. Hình vẽ chân xem bản mệnh:



6. Cửu hào
Giá long
Chúa thiện
Thủ tướng
Uy - nam
7. Nhị hào
Ngoại cảnh
Ngoại sư
Bách cốc
Tây nam - Khôn
9. Ngũ hào
Quan sự
Thổ, trụy sĩ vị
Trung, chính

1. Thiên môn
Lục hào
Tây bắc
Cần, Hợi
2. Sơ hào
Thủy quan
Cự môn, khám
Tý, Chính Bắc
3. Bát hào
Thê tử
Bản mệnh
Cần, đông Bắc, dần
4. Tam hào
Lôi điện
Chấn, chánh đông
Mão, mộc
5. Tứ hào
Triệu dân
Triều sỹ
Đông nam, thìn
8. Thất hào
Quan lộc
Tài lộc
Nô bộc
Trạch, Đoài
Tây nam

2. Lễ và chuẩn bị xem chân gà

Trước ngày đó người định xem chân gà phải chay tịnh.

Đặt bàn thờ ở sân giữa trời, có bày: hương, đèn, trầu cau và chén nước trong tinh khiết.

Con gà phải rửa sạch chân. Tay trái cầm chân trái, tay phải cầm chân phải của gà, mà khấn rằng:

Kính tâu: *Thiên địa thần kỳ !*

Kính xin: *Cửu Thiên huyền nữ Phạm Thị Chân tiên sư và chư thần linh bản thổ bản gia giáng lâm chứng tri minh bạch.*

Con xin hỏi:

Khấn xong, mang con gà ấy đi giết. Phải nhổ lông cánh, lông đuôi, lông ở đầu gối và lấy vẩy chân ở dưới đầu gối gà, mỗi thứ lấy 3 cái, nếu về mùa Thu và Đông thì lấy mỗi thứ 5 cái. Khi luộc gà: Mình con gà bỏ luộc riêng 1 nồi, còn 3 thứ lông, vẩy, lông đuôi nói trên bỏ vào 1 nồi, bỏ trước khi đun nước còn đương lạnh. Khi thấy nồi lông vẩy gà đó đã sôi sủi thì bỏ đôi chân gà đó vào đợt thứ hai. Khi nhắc lên thấy các đường máu ở chân gà đã nổi rõ ra rồi là vừa độ thì thôi, bỏ ra, đừng để chín quá và đừng để dôi quá.

Còn cái Thân con gà luộc ở nồi kia, thì cứ luộc chín kỹ, vớt ra đặt lên bàn để cùng với đôi chân gà làm lễ rồi lấy xuống xem.

Nếu cần xem một việc thì: lấy chân phải xem về cái tài, lấy chân trái xem về bản mệnh. Nếu cần xem 2 việc một chân gà thì dùng ba giống: (hay gọi là đốt): giống trên, giống giữa, giống dưới.

Mùng 3 Tết làm một con gà để xem năm đó thế nào. Trong năm nếu thấy việc gì cần thiết thì làm một con gà để xem việc đó ra sao.

3. Cúng ông hành khiển, hành binh

Đầu năm lễ cúng các ông hành binh hành khiển cho đúng làm ăn mới khá tốt.

Sáng sớm ngày mùng 3 Tết dùng nhang đèn trầu rượu, thuốc, hoa

quả, bánh mứt, trà hoặc lễ vật là xôi chè (cúng chay) cúng các vị hành binh, hành khiển năm đó. Cầu xin gia đạo an lành, vui vẻ, mọi sự được hanh thông, buôn bán, làm ăn phát tài. Khấn vái tên các vị thần như sự chỉ dẫn dưới đây mới có thần chứng cho. Năm nào thì khấn năm đó.

Năm Tý: Khấn vái

Ông Thiên Ôn hành binh

Ông Chu Vương hành khiển

Năm Sửu: Khấn vái

Ông Tam Thập Lục Thống hành binh

Ông Triệu Vương hành
khiển

Năm Dần: Khấn vái

Ông Mộc Tinh Liễu Tào hành
binh

Ông Ngự Vương hành khiển

Năm Mão: Khấn vái

Ông Thạch Tinh Liễu Tào hành binh

Ông Trịnh Vương hành khiển

Năm Thìn: Khấn vái

Ông Hỏa Tinh Liễu Tào hành binh

Ông Sở Vương hành khiển

Năm Tỵ: Khấn vái:

Ông Thiên Hao Hứa Tào hành binh

Ông Ngô Vương hành khiển

Năm Ngọ: Khấn vái

Ông Thiên Hao Vương Tào hành binh

Ông Tàn Vương hành khiển

Năm Mùi: Khấn vái:

Ông Ngũ Dao Lâm Tào hành binh

Ông Tống Vương hành khiển

Năm Thân: Khấn vái:

Ông Ngũ Miêu Tống Tào hành binh

Ông Tể Vương hành khiển

Năm Dậu: Khấn vái

Ông Ngũ Nhạc Cự Tào hành binh

Ông Lỗ Vương hành khiển

Năm Tuất: Khấn vái

Ông Thiên Bá Thành Tào hành binh

Ông Việt Vương hành khiển

Năm Hợi: Khấn vái

Ông Ngũ Ôn Nguyễn Tào hành binh

Ông Lưu Vương hành khiển

4. Bài phú coi giò gà

Đầu năm ra mắt mừng ba
Cúng ông Hành Khiển cùng là Hành Binh
Bói giò phải bói cho tinh
Xem tường màu sắc chân hình rủi may
Đôi giò cần để thẳng ngay
Nhuận hồng vàng ánh năm nay chắc giàu
No bồi chân móng khít khao
Đỡ cái chặt chẽ cũng giàu cũng sang
Đỏ mà gân máu nổi loang
Là điềm tán của tan hoang cửa nhà
Trắng xanh bền bệt thầy ma
Ấy điềm tang ông bà cháu con
Da gà tươi mượt vàng son
Đi thi chắc đậu đi buôn chắc lời
Khe chân gà hở toi bồi
Tiền vô rồi cũng phải rồi tay không
Ba ngón đội lên một chồng
Tốt thì có tốt phải phòng người trên
Nhờ người giúp đỡ mới nên
Tự mình tự chủ không bền được lâu
Cũng ba ngón chân chụm đầu
Một hang ngang mặt thúng đầu đựng tiền
Ngón cái mà cong nghiêng nghiêng

Đâm vào khe hở luy phiên đến nơi
Quan phi khẩu thiết toi bời
Tai bay vạ gió kêu trời sao đang
Bốn chân cong queo loạn hang
Cả năm bươn chải biết đẳng nào yên
No nôi như nở cười duyên
Da hồng tươi mỡ của tiền đầy kho
Da chân xám xám màu tro
Gân xương khô héo có lo cũng nghèo
Đôi giò cái trể cái treo
Bên ngay bên queo nằm ngay một mình
Da gà mỡ đọng lung linh
Làm chơi được thật mặc tình vui chơi
Bốn ngón đều ngay lên trời
Nồi gọ xẹp lép thi thôi còn gì
Gặp năm tuổi xấu thêm nguy
Ốm đau tang chế quan phi tụng đình
Ngón chân rời rạc thân hình
Thiếu người giúp đỡ thiếu người hữu giao
Gặp cơn song gió ba đào
Một tay lèo lái ai nào giúp ta
Chân gà cắm hờ queo ra
Da gà tươi nhuận mới là bình an
Cúng gà ra mắt nghiêm trang
Làm gà kĩ lưỡng lộc càng thêm tinh
Có kiêng chắc có thần linh
Cầu ông Hành Khiển Hành Binh hộ trì
Cho mình gặp hội khả nghi

Mỗi chu niên chọn chu kì bình an
Mùng ba tết tới bước sang
Lại cúng ra mắt huy hoàng như xưa.

5. Xem chân gà

Khi có trái đất, ban đầu còn mênh mang hỗn độn, chưa có ai xét đoán được.

Đến thời kỳ có loài người mới phôi thai, có cụ Bàn cổ mới lập ra thái cực mà chia ra lưỡng nghi.

Đến thời kỳ vua Phục Hy mới định ra Âm dương mà vạch ra bát quái.

Đến thời vua Văn Vương nhà Chu mới diễn ra Kinh Dịch.

Đến thời Xuân Thu có ông Lỗ Ban và đức Không Tử mới lập ta hệ thống từ và chữ.

Đến thời ông Lý Thuần mới làm ra Khoa bói tẩu mã.

Tiếp đến bà Cửu Thiên Huyền Nữ Phạm Thị Chân tiên sư lập ra Khoa bói chân gà này, đã thâm tóm các sự bí ẩn của Trời đất, quán triệt được những niềm vui hoặc gở đưa lại cho nhân gian, lại biết được sự vận chuyển của mạch cực, khí đất động lặng rắn mềm ...

Dùng ngón to (ngón giữa của chân gà) làm vị trí của Huyền vũ.

Định ngón cun (ngón út nhỏ nhắn) làm hệ Chu tước.

Lấy ngón trong của chân gà làm hệ Thanh Long.

Dùng ngón ngoài của chân gà làm hệ Bạch hổ.

Lấy cung ngộ là hoả và là vị trí của Đẳng xà, nên lấy cái đó làm huyết pháp.

Lấy cung giữa (còn gọi là đốt hay gọi là dóng) ở ngón giữa của chân gà làm cung Thổ và là vị trí của câu Trần.

Lấy đó mà định làm nơi tôn quý, (là mồ mả tổ tiên và dòng họ về sau thuộc về dòng san nào).

Nếu vị trí Thổ lệch sang ngón trái, thì lấy đó là vị trí câu Trần.

Nếu cung Thổ lệch thiên sang ngón phải thì định đó là vị trí của

Đằng xà, đó cũng là vị trí chỉ cho về lục Thân, nếu ở chỗ đó có huyết hồng tươi là Chân long (tức là đất tốt có mạch).

Cung giữa của ngón giữa (ngón dài) còn gọi là cung ngũ hào, nếu thấy huyết sắc tươi và như tơ nhỏ ấy là huyết đãi người hiền (cái huyết đó).

Thứ nữa là tìm Long mạch, định tên của các ngôi bát quái mà biết được thịnh suy.

Lại nói rộng ra: xét các quẻ hào, nắm được mười đơn vị hàng thiên can như ở trên bàn tay:

(10 đơn vị Thiên can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) và khởi tính được ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ).

Phải biết được Âm dương có thuận ?

Phải xét trong ngoài, xếp đặt được các cung Bát quái: Càn, Khảm, Cấn, Chấn mà thấy ở đó huyền sắc trôi chảy, nguyên vẹn, không pha trộn, Dương trôi chảy là thuận. Thấy âm chảy rẽ khác ra là nghịch.

Xét ở cung: Tốn, Ly, Khôn, Đoài cần gấp rút thêm vào: Thấy sinh là lợi cho mình, thấy ngang ra là khắc, khắc là ngược lại (không hợp lý, bất lợi).

Không động ấy là đất chỉ để mộ tạm chôn mà thôi, vì đó là đất không có mạch.

Thấy loạn động ấy là hôn phách không yên.

Có điểm đen ấy là phúc ít, họa nhiều. Thấy hưu trù (tức là thấy huyết ở các cung nói trên có ngắt ngừng lại) thì người nhà gặp tai ương, súc vật trong nhà sẽ bị chết tiệt.

Riêng vị trí cung Ngọ thấy huyết hồng tươi loang lổ là mộ đó ở về phương nam có án.

Thấy ở cung Tốn có hỷ sắc (tươi tốt) đó là điềm có bằng bút chi khoa, (ý nói là cho con cháu đỗ đạt). Ở nơi đầu mối thấy có huyết động là vượng lâu dài.

Các hào vị có huyết hưu (huyết đến đó ngắt ngừng lại) là phúc bị ít vì bị hãm.

Thấy ngón trong và ngón ngoài quay hướng vào nhau đó là điều

mau chóng, nếu thấy ngón trong và ngón ngoài vẩy qua, lắc lại (vênh vào không quay vào nhau) là hiện tượng chây chậm).

Thấy trùng động (là ba đầu móng ở 3 đầu ngón, cả ba đều cúi quắm gục lồng lên nhau) hoặc trùng khắc (là sung khắc lồng lóp lên nhau) đó là cái thể sơn thủy bức bách xâm phạm mạnh (là sơn thủy cường bách).

Thấy hỷ động, hỷ giao (là có đầu ngón giữa ngẩng lên, lại có ngón khác ở đầu móng cúi xuống và giao vào nhau) ấy là Long Hồ trùng điệp ứng gáp.

Hoặc ở vị trí cung càn thấy có huyết động lên đến cung đoài, ấy là mạch Kim uyển chuyên vào chùa hoặc vào miếu nào đó.

Hoặc ở vị trí cung chân thấy có ám phá (là tối phá) lên đến cung Tôn phải đoán đó là ảnh hưởng gốc cây và nhờ đó gió thổi vào, vậy là ở Phương Đông có chùa Phật đối lại (quay vào mộ đó), ở Phương Nam có đền đài xung khắc với mộ đó.

Nếu thấy huyết động ở cung Khảm, ở cung Hợi và Tý, ắt về phía Bắc của mộ đó có Thủy khuyết xấu, đó gọi là Huyền vũ đoản hiệp (là bị gò ép).

Hoặc có huyền động ở cung Cấn, ở vị trí Sửu và Dần, là ở phía Đông bắc của ngôi mộ đó có Thổ bách ám, cái thể đó lộc thuộc bất minh (là trong nhà trong họ không yên).

Nếu thấy ở vị trí Tý và Sửu động huyết thì lại xem Kim mộc giao sung, ấy là nước mưa của Trời dội xuống đọng lại, hoặc là nước bùn lầy tràn vào phạm mà lay động, hoặc nước hoàng tuyền ở cạnh đó cuốn thẳng đi, hoặc sông ngòi đầm trạch nước lớn mệnh mông, bị nước phá sau đầu, hoặc nước trong thung lũng trên núi chẳng thấy vào hoặc ở nóc nhà nào chảy thẳng vào.

Xem kỹ vị trí cung Cấn nếu có loang lỗ ần dẫu là có thổ sơn.

Bằng thấy ở cung Khôn có sắc khí tươi tía thì luận: Táng ở nơi gò đất lớn, lại có thần linh tại phương Bắc chiếu và ở phương Nam có đền trên đỉnh núi hoặc ở gò cao.

Nếu thấy ở cung Chấn động thì đoán là: có ba nhánh rễ cây gỗ xâm vào mộ.

Cùng ở đốt mao phương, thì đoán là ở chỗ đó có bờ ruộng hoặc

đường đi thẳng phạm vào mộ.

Nếu chẳng vậy thì có một khí cự thần sung tới, chân long chẳng ứng (không hợp, không cho kết phát).

Nếu thấy ngón Lớn động lớn thì hấn bờ góc ruộng bắn thẳng vào mặt mộ. Nếu không như vậy là: mộc phủ phong suy (gió thổi cái hơi gõ cây thổi nát đưa vào).

Nếu vị trí cung Thân có thấy mờ tối, hấn là ngôi mộ đó bị ngọn núi che lấp hướng trước mặt, như vậy thì con trai trong nhà, trong họ bị cuồng điên hoặc hủi rụng tóc.

Nếu thấy hỏa huyết động ở vị trí cung Tý và Ngọ và thấy Kim huyết loạn ở Mùi Thân, là chôn mộ đó trước đây có gio than bếp lửa đã làm hết khí, hoặc trước có đá nhọn của núi sông vào phạm đến mạch, đương hành lại.

Xem ở cung giữa có huyết thổ lẫn với huyết thủy, ấy là có sâu, kiến đang phá hoại xương cốt, nếu thấy thủy thanh ấy là có loài lươn chạch vào quan tài, hoặc vào tiểu.

Nếu thấy ở Khôn và Cấn có loạn động thì đoán: Nam giới chết trận.

Hoặc thấy ở cung Dần cung Thân có vết huyết như Kim chỉ ngang, hoặc ở Cấn Dần thấy sắc trong là thủy tận sơn cùng; Nếu ở Dần và Dậu thấy có hồng sắc loang lổ, là đất thiêng sinh nhân hào kiệt.

Nếu thấy ngón cái co rút lại và đảo ngược lại, là đất chẳng được, người chết sẽ thiếu máu sợ hãi co dặt chân tay mà chết.

Nếu nội ản (là ngón trong dấu đi) thì đoán là phi long (rồng bay).

Nếu ngoại ản (ngón ngoài dấu đi) đoán là phi hổ (hổ bay).

Nếu ngón trong đè ngón cái ở chỗ: Hổ - Tý, lại có huyết động ấy là chu tước, phải đoán là mộ bị khô không có nước.

Nếu ở cung ngọ thấy khô như lửa đốt vào ấy là Huyền vũ, thì không có người nối dõi, vì phản huyết (huyết ngược), bất chính nên vong linh bất bình!

Đầu ngón cái ỉu rũ co rút lại, còn là: "Long đoán Sơn, Khắc vong mệnh; huyết động, cái tươi là: "Sơn chỉ long trường, mạch phụ quan hài" (là núi chắn, rồng dài, có mạch bổ sung cho quan tài và hài cốt).

Nếu huyết loạn ở ngoài ngón, là hổ không đủ chân!

Nếu huyết đọng ở trong ngón, là thân rồng chẳng tốt.

Nếu hai ngón: nội và ngoài như đôi mi mắt châu vào nhau, châu ngang nhau, đó là Long Hồ đầu sát. Nếu huyết điểm ở ngón cun (ngón nhỏ), ngón cun lại chỉ vào ngón nội, phải đoán là: nội loạn động, ắt phải đề phòng trộm cướp, dịch lệ, hoả tai.

Nếu thấy huyết đen ở cung Khôn (cung Khôn ở ngón ngoài) và ngón ngoài lại cúi ra ngoài, đó là cái mối hại người hại vật, và là cái mối tranh tụng, hoặc bị trộm đêm cướp ngày lấy của cải và còn bị kinh khủng về người và súc vật.

Nếu thấy máu sắc hồng tươi ở hai cung: Thân và Dậu, đó là sẽ phát minh người "Quán cổ anh hùng".

Xem xét ở hai ngôi: Chân và Đoài nếu có điểm thâm đen và thô (to), đó là con cháu dâm dục.

Thường xem ngón trong và ngón ngoài phù trợ tiếp nhau và ngón cun (út) chỉ lên không, chỉ cao gần đến cung ly, cung khảm ấy là mộ ở vị trí Bính hướng Nhâm, lại xem hai cung: càn tốn thì lấy Tân Hợi và ngón cun chỉ gần ngôi tốn, là mộ toạ Bính, hoặc ở tốn san, nếu như phân kim thì rõ chốn đó, tức là mạch đất tốt vậy.

Nếu ngón cun chỉ gần trên cung Khôn, đó là ngôi hướng quý, nhìn về hướng đình.

Bằng ngón cun chỉ vào giữa cung Khôn, nên lấy tâm ở cung cấn.

Cung Khôn có nhiều hồng huyết, nếu cung Cấn có nhiều sắc loang lổ và tươi hồng ở cung Khôn, ít sự liên hệ (rời rạc) ở cung bên: hoặc Bính Thân hoặc Bính Dần.

Nếu chỉ vào dưới cung Khôn là biểu thị con cháu có voi ngựa (ý nói con cháu sang giàu).

Nếu vào cung Chân và Mão là thuộc vị trí Tân, lại thâu tươi tía là biểu thị có văn tinh bằng bút chi khoa (ý nói con cháu thi đỗ).

Nếu ở cung Chấn là vị trí chính ắt có sắc hồng và loạn, đó là cho biết sắp có sự kiện cáo, khẩu thiệt, quan phi (bị phạt lẽ trái về mình).

Lấy cung Khôn là quẻ dậu rể.

Định vị trí cấn dần là kho tàng. Quẻ Hào Khôn ẩn vết là dậu rể

không tốt lành.

Ở vị trí cần có nhiều loang lổ sắc, là mầu chột kỳ lạ, quẻ ấy mà xung trong, lại hoá ra quẻ lành, nếu gấp lại là tốt lành, nếu ám đen là độc. Nếu ứng về Tây Bắc là Kim tức thuỷ vương, cửa thuỷ có chúa loài cá giải tụ hội.

Ở vị trí Đông Nam có hoả sinh minh đường, có chim phượng châu, là cái thế Long hổ trùng điệp, có sơn thủy lớp lớp, mạch hưng thịnh được lâu, hàng năm lại càng hưng thịnh lên.

6. Xem đầu gà

(Đầu gà là tượng trưng dáng người)

Hề hình dáng đầu gà mà tươi trắng, mở mắt, mở mồm, không có máu kết chằng chịt là tốt lành.

Nếu thấy không tươi, nhắm mắt, ngậm miệng, lại có máu kết chằng chịt là độc.

7. Xem huyết gà

Ở chân gà

Nếu về mùa Xuân và Hạ thấy huyết đỏ tươi là lành, đen là độc.

Nếu về mùa Thu và Đông thấy huyết sẫm đen là tốt, đỏ là độc.

Chia bốn mùa thuộc bát quái:

- Ở cung Chấn là mùa Xuân
- Ở cung Đoài là mùa Thu
- Ở cung Ly là mùa Hạ
- Ở cung Khảm là mùa Đông

Phân chia ngũ hành thuộc bát quái mà suy ra:

- Ở cung: Ly là hành Hoả
- Ở cung: Khảm là hành Thuỷ
- Ở cung: Đoài là hành Kim
- Ở cung: Tốn và Chấn là hành Mộc
- Ở cung: Cấn và Khôn là hành Thổ

Định nghĩa tượng trưng của bát quái:

- Cấn là Trời
- Đoài là đầm hồ sông ngòi
- Ly là lửa
- Chấn là điện, sấm sét
- Tốn là gió
- Khảm là nước
- Cấn là núi đồi
- Khôn là đất

Chia tám phương thuộc bát quái:

- Ở Khảm là thuộc về chính Bắc
- Ở Cấn là thuộc về Đông Bắc
- Ở Chấn là chính phương Đông
- Ở Tốn là phương Đông Nam
- Ở Ly là thuộc về chính Nam
- Ở Khôn là thuộc về Tây Nam
- Ở Đoài là thuộc về chính Tây
- Ở Càn là thuộc về Tây Bắc

8. Xem huyết thuận bốn mùa

Mùa xuân xanh là huyết thuận

Mùa hạ hồng là huyết thuận.

Mùa thu đen là huyết thuận.

Mùa đông vàng là huyết thuận

Dấu hiệu Thiên hình:



Dấu hiệu Khảm bao:



Dấu hiệu Hoàng tuyền:



Dấu hiệu Bạch hồ:



Dấu hiệu Tam Khu:



Dấu hiệu Ngũ mộ:



Nếu thấy ngũ hành hiện ở bên ngoài, thì căn cứ vào ngũ hành mà luận đoán.

Thí dụ: thấy Kim thì luận đoán là mộ kim tinh, đại để như vậy.

Hoặc ở canh tân là thận đầu mạch;

Nếu thấy mộc thì luận đoán mạch ở Dần Mão, Giáp Ất lại.

Nếu thấy ngôi trên Kim khắc vào mộ mộc thì luận nó là có tội.

9. Phương hướng chỉ dẫn huyết của gia truyền

Ngũ hành định huyết

Huyết định ra tứ chi

Tứ chi lập ra tám huyết

Tám huyết định ra bản mệnh

Bản mệnh định ra quẻ (tức là quái)

Quẻ định ở cung giữa

Cung giữa hợp làm bản mệnh

Bản mệnh thuộc ngũ hành.

Ngũ hành là:

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Nếu thấy:

Kim đứng ở cung Kim

Mộc đứng ở cung Mộc

Thủy đứng ở cung Thủy

Hỏa đứng ở cung Hỏa

Thổ đứng ở cung Thổ

Là bốn mùa đều vượng

Thứ thời (4 mùa) chia làm 8 tiết

Tám tiết định ra thiên can và địa chi

- Mười đơn vị thiên can là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý

- Mười hai đơn vị địa chi là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Thiên can định ra bát quái (8 quẻ). Từ quẻ thứ nhất đến quẻ thứ

mười hai lại chia ra làm bốn mùa.

Bốn mùa chia ra làm 8 huyết. Tám huyết định làm bốn vị tốt lành và bốn ngôi độc dữ.

Trong Đoài, ngoài Chân là tốt lành

Trong Khảm, ngoài Ly là độc dữ

Từ cung giữa trở lên hợp làm trời

Từ cung giữa trở xuống hợp làm bản mệnh

Bản mệnh hợp ngũ hành

Ngũ hành chuyển đổi ra quẻ:

Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc

Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ

Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy

Thủy phá Thổ, Thổ dưỡng Mộc

Thủy với Hoả cùng xung khắc

Kim khắc Thổ, Thổ khắc Thủy

Thủy khắc Hoả, Hoả khắc Kim

Theo quẻ (quái) bản mệnh:

Năm chuyển đổi ra ngũ hành

Ngũ hành chuyển đổi ra tháng

Tháng chuyển ra ngày

Ngày chuyển ra giờ

Giờ chuyển đổi ra khắc (5 phút bằng 1 khắc)

Khắc xung với giờ, giờ xung với ngày, ngày xung tháng, tháng xung năm, năm xung vận.

Cứ y như phép ấy mà luận:



Lấy chân phải là tượng trưng người ngoài, lấy chân trái là biểu thị

vào bản mệnh chủ.

Không kể là gà sống hay gà mái, quyết đoán là lành hay dữ.

Nếu thấy ngón cái tươi, ngón trong phù, ngón ngoài cúi xuống chỉ không, thời, có ốm, nhưng không việc gì.

Nếu thấy ngón cái vẩy qua, lắc lại và ử mặt xuống, đồng thời ngón trong dáo vào trong là động xung với ngón ngoài đều chỉ vào trong thời bệnh nguy.

Nhuộc bằng cái tươi, ngón trong động thời chẳng phải lo.

Bằng thấy huyết đóng thời cũng khá. Hễ thấy huyết rời rạc, lăm tằm thời bệnh chẳng mong.

Ngón cun trở vào trong thì bởi thổ trạch của tổ tông thân thuộc xấu, như có tà ma; nếu trở lên đốt trên là do tinh tổ, Tổ phụ quả phạt; nếu trở vào đốt giữa là do anh chị em hành; nếu trở xuống đốt dưới là do mãnh yêu làm hại; nếu trở vào ngón cái thời do Quý nhân, Thành hoàng; nếu trở ra ngoài là do ngoại tà quấy nhiễu; chỉ lên đốt trên là do chúa thủy động đình, bán thiên hành; chỉ vào đốt giữa là do yêu tinh dịch lệ hành; nếu chỉ vào đốt dưới là do Đạo lộ thương vong quấy nhiễu. Lễ đảo thì bệnh nhân không chết.

10. Luận đoán xem về thổ trạch

Cứ tuần tự sau đây mà suy cho tường:

- Kim là bia
- Thổ là gò đất
- Mộc là rừng như sà nhà, hoặc là cầu qua sông
- Hoả là thần miếu
- Thủy là hồ ao
- Thổ mà có đới hoả, thì luận rằng: nhà đất này mua của nhà có mới có người chết sao đây ?
- Thế kim mà mộc hoả sinh, hẳn là mua đồ vật gì của người ăn trộm, có ngày nhâm sao.
- Mộc hoành mà đới kim bao, là để bàn thờ ứ tạp làm sao chẳng

lành.

- Mộc hoành thổ bao quanh, luận là: gỗ cũ cở thụ lấy về dựng nhà làm chi.

- Hoả kim bao đối ấy thì: mua đồng khí vật làm chi đầy mà. Cận tuần thế hoả trùng sinh. Thuỷ bao đầu hoả gia đình gian truân, đoán rằng lửa uế như tẩm vào cột Tào quân lạ thường.

Kim bao: ngư uế bên tường (Phân trâu làm uế bên vách)

Thuỷ bao: là lợn làm uế ở bên rõ ràng

Hoả bao thổ bên ngoài, là do người phóng uế nào ai biết gì.

Lại xem chính vị trí ở thế chính mà suy ra:

Mộc sinh thổ hoả thì đoán là nhà tốt.

Mộc sinh mà thấy kim ra, thì đoán là nhà có gỗ mục nát, luận vào chẳng sai.

Huyết theo bên ngoài ngón cái, đoán là: một nhà hai bếp, hai bếp một nhà rõ ràng.

Thổ nguyên tổ địa (là đất của tổ) để dành lại cho.

Thế hoả vận thổ là mình tự lo. Ngũ hành ứng bên ngoài lạ thay, đoán là đất mới mua của cùng chi tổ ngoại, nếu mà thấy ngắt một hai phải đoán là Thiên di thổ trạch chẳng sai đâu mà.

Thế bên hành hiện sinh ra, đoán là: Bếp núc mới làm, lại đoán cho tường. Hai bên thấy phiền xuyên ngang luận rằng cái ngõ là đường vào ra. Thế cung ở trên hai đốt lại đoán: Kim trầm (chìm sâu không lộ ra) là thờ Phật, luận vào như y. Thổ trầm trách chủ làm ký. Mộc trầm thờ thánh chi đây. Hoả trầm ấy thờ Thần. Tả có Kim. Hữu có hoả huyết bày ra, giao nha thế tiết (đốt) là phải ân cần đèn nhang (lễ bái). Thuỷ trầm, thì đoán là đau khan, sinh phù khắc nhiều luận thường chẳng sai.

Hoả tuần, Kim lại bao ngoài, là đất ấy lôi đả có tai hay là.

Ở mộc có thuỷ bao, là thần từ phật tự rõ ràng như y.

Kim sinh lại lồng hoả đầy thì:

Vườn chùa ruộng phật chiếm chi của ngài. Thuỷ sinh có hoả thế hiện bày, đất ở trước đây có người thương vong. Lưỡng mộc vận hành song song lại không thấy huyết, mà chỉ hiện ở cung khác, phải đoán là:

mộc kiếp bên nhà, bên ngõ có mộc ở xa chiếu vào. Thế căn có thủy bao, luận là: buôn bán chẳng hay tí nào.

Mộc căn sinh hỏa là gia súc tổn hao, quẻ vận cùng hỏa ấy là hào hỏa tai, ở bên hàng xóm có ba bốn lửa bài, thế cũng hiện mộc khói ngoài xóm lâu.

Độc thay: bên thủy đới hỏa là: nhà cháy bởi đũa dân có thù. Thấy Kim có đới hỏa, là trộm cướp chi đồ nó thiêu.

Mộc sinh hỏa ở đầu ngón cao, là do lửa trên trời xuống thiêu.

Thủy mà đới hỏa ở bên, là độc: quan pháp hỏa tốc lời truyền trước sau.

Vận chìm mà thấy thế bạch không, luận rằng trong hàng ngoài áp để nhà không.

Nguyên Kim mộc hỏa ra, ấy là phải đi quân dịch, người ta đã dành.

11. Luận đoán xem về phần mộ

(Dùng chân phải)

Lại xem phần mộ ra sao ?

Kim sinh ở cung Càn Hợi ấy là: mạch nhâm, thấy kim sinh mộc lại tới, cùng thủy sinh mộc thời tìm căn long hoặc là mộc sinh hỏa phong (là mộc sinh hỏa ở Tồn) cùng Thổ sinh hỏa chấn long rõ ràng, mộ phần táng lại luận đoán cho tường:

Nếu thấy trầm thì mộ đặt ở phù, nếu thấy phù thì ở trầm, thấy bạch thì ở hắc, thấy hắc thì ở Bạch, cứ căn cứ vào đó mà suy luận. Thấy mộc trùng (mộc lồng) là mộ táng ở phần rừng hoặc táng nơi miếu rậm.

Thấy trùng thủy (là thủy lồng lên nhau) là một táng ở ao hồ, chẳng sai. Quẻ Kim là mộ táng ở gần chùa bên ngoài. Quẻ Thổ là mộ táng ở gần đền miếu chẳng xa. Quẻ mộ mà thấy tương sinh là táng ở ruộng nhà, tương khắc ấy là mộ táng nhờ ruộng người ta rõ ràng.

Lại xem huyết thổ (là đất huyết)

Phân minh: Thổ hoàng hắc bạch cứ hình tượng đó mà luận suy:

Hỏa vị, mộc vị hiện ra, đó là phát cho văn chương cái thế chẳng sai đâu mà; Kim vị, Thủy vị, thủy hiện ra, luận rằng: Phú quý vinh hoa đời

đời.

Nếu mà quẻ mộ tương xung, luận rằng: mộ ấy không được đất, còn mong nổi gì?

Tuần trung (là giữa cung) là thuỷ bao, thời đoán rằng: hỗn hợp, thân thi chẳng toàn.

Thiên hình thấy huyết hiện ra (thấy huyết hiện ra ký hiệu thiên hình) là thiên lôi đánh mộ, ắt là tai ương. Tham bao hổ, thuỷ rương rương (đầy rẫy) đoán là gái dâm đẽ ngược. Thường thường gian truân.

Bên Long thuỷ tụ sâu, thì đoán là: Bại triệt trường chi đất mà.

Phương nam có thuỷ bao la, luận rằng miệng co trường dị kỳ.

Tây phương có hoả lồng tuần không (tuần không là ở giữa giáp giới của 2 đốt ngón), đoán là con cháu khát thực tây đông (ăn mày khắp nơi) bốn bề.

Mộc trùng long hổ ở phương đông, sinh người tự ải thường thường chẳng hay.

Hoả trùng ở đằng Nam: hẳn có hoạ rắn cắn thực hay ầy đà !

Bắc phương có thuỷ hiện ra: sinh người chân dẫm chân voi hay gì !

Đông phương có thuỷ đới, thuỷ lợi bao thổ phúc rẫy hổ cắn tang thương.

Kim bao phân mộ bốn bề, luận rằng: ắt bị hình thương nạn ngoài !

Bốn bề có huyết thuỷ bao, quỷ mà khắc thổ: ba đào gian nguy (là bị đắm đuối lũ lụt).

Hai bên Long Hổ sóng bày, luận tha: sinh tử, luận vào tự vô (chết ở nơi khác và không con nối dõi).

Thuỷ huyết có bốn kim bao, luận rằng: Phút nghề đồ tể đầy mà thôi.

Thuỷ bao Long Hổ huyết bày: Luận rằng: Trong họ loạn luân chẳng lành !

Thuỷ bao Long Hổ hai bên, ở mộ có hoa là bị chó điên cắn đầy mà!

Long Kim, Hổ mộc giao nhà (như hai ngà voi giao vào nhau) luận rằng: Anh em bất hoà chẳng sai!

Quẻ Kim, mộ mộc huyết bà: Sinh người ốm héo chẳng sai đâu mà!
Mộ mộc mà sinh hoả ra có Kim Long hồ ấy là bệnh phong (là hủi).

Kim hoả mà hiện Hồ Long, hai bên chiếu sát lồng nhau, lại là bệnh lao.

Huyết thổ trước, sau thuỷ bao: sinh người cổ chương, chữa sao bệnh này.

Hoả tuần, thổ nguyệt, phát người đi tu.

Thuỷ Long, thuỷ Hồ ấy thì thối dâm.

Kim lồng đới hoả Hồ Long, huyết nơi có thổ ấy, cháu con phi thường.

Thổ huyết Kim hiện bốn bên,

Quận công đình phát gia đình hiển vinh.

Mộc huyết kim án rành rành:

Sinh người bói toán tinh thông quẻ Hào.

Huyết ở tam thổ tốt sao, bốn bên trùng hoả ứng vào: đất phát trạng nguyên.

Huyết mộ thổ Long Hồ có hoả hiện hình: đất phát thầy đồ văn chương.

Huyết thổ Long Hồ có hoả ở bên: sinh người phò mã rạng thêm gia đình.

Huyết thổ Kim án có huyết sinh, Hồ Long ôm ấp: đa đình hay mà!

Thuỷ huyết thuỷ án hiện ra: sinh người say rượu mê hoa tối ngày.

Huyết ở chữ thập (+) lại có đường đi bao ngoài, đất này đoán cho: sinh người cờ bạc đời đời, nào ai ngăn được những người mê tâm.

12. Xem về bệnh tật

Xem bệnh cứ văn mà suy:

Khám bao quẻ khắc cùng thời tam khu

Thiên hình ngũ mộ càng xấu

Hoàng tuyền Bạch hổ cùng hầu cốt thâm.

Dũng tuyền đơn bạch lại tìm

Trong ngoài khắc nhập chiếu tới cùng thời

Thổ sinh là bệnh ở dạ dày

Nôn oẹ, trĩ tả, da vàng gian nan

Mộc sinh thời bệnh ở gan

Phong tà nhiễm tới, chân tay co cứng

Với thân hình đảo điên, hôn mê

Nhãn tật bất minh, tai điếc, sườn đau

Kinh hoàng, mồm nói lảm nhảm

Kim sinh bệnh phổi phát ra

Rãi nóng, ho sặc, âm hư mọi điều

Thủy sinh, bệnh thận đau lưng

Phù thũng, thổ tức, tiện nghèo (khó) chẳng thông

Hoả sinh, tim đau đầu lạnh, miệng khô

Bụng đau, họng phát mụn ra

Ly sa thể huyết ở bên Kim, luận rằng: cát bụi bên đường như bắn vào đầu chẳng sai.

Mộc sinh, mộc chiết phải tai (hại)

Hoả sa, đạo lộ, bệnh loài trùng phong.

Thủy sa, bệnh mạn ở bên đò, bờ sông.

Thổ sa, bệnh ôn dịch khí xung thiên thời.

Các ngôi thấy hiện: thế Kim ra, là bệnh tiền kiếp chẳng sai đâu mà.

Vận Kim ở các vị trí không hiện rõ, là tiền duyên quyền luyện, luận nào chẳng sai.

Quẻ Kim huyết trắng không bày: buồn phiền là do khí huyết nào ai biết gì ? hoặc là trai nhớ gái, hoặc là gái tương tư mà phiền.

Mộc sinh, quẻ hoả tự nhiên: là bệnh bởi bếp núc tảo quân hành, vì chung củi thối ở phương Nam đem về làm uế bếp, hoặc thối chỗ thờ trong nhà.

Thủy sinh, thế thổ ấy chẳng lành, có người đào bới phạm mạch thần kỳ.

Thổ sinh quẻ thổ lại suy:

Đất ở này trước hai chi tranh dành

Chủ nhân chẳng biết sự tình

Bởi thế nhiều động gia đình bấy nay

Thủy sinh quẻ thổ chẳng hay

Phạm thổ, úng tắc thủy, ở rầy Tây phương

Hoả sinh quẻ thổ chẳng lành

Chủ lao nôں ọ, bệnh thường âm hư

Thủy sinh quẻ Kim ấy ư, vì chung yêu nữ cùng chur thủy thần ở Bắc phương đang hành.

Nếu như quẻ có một thủy huyết bày là: Trai bị bệnh phù thũng, gái kinh chẳng đều.

Quẻ Kim: bệnh chẳng ai trâu, là do phòng thất nói nhiều làm chi

Quẻ hoả: bệnh tại thiên thời, lễ vật cầu đảo bệnh thì lại toàn

Mộc vận thế khảm, thổ nguyên

Ấy là hào mười hai (quẻ 12) chẳng toàn đây a

Nguyên vận thế vận sinh ra

Các cung cùng khô, thực là chẳng hay

Thổ thế, mộc vận hiện bày nguyên cung
Kim vận xấu thay những là
Vận phù nguyệt hợp luận ra
Nội ngoại phù vệ thì ta yên lành
Bốn tướng lại hệ rành rành
Nhật, thời, niên, nguyệt mộc sinh hoá đều
Ất là bệnh tật hiển tiêu
Thọ trường sánh với tòng cao tiên thần.

13. Xem về bệnh có chết hay không

Vận thổ nguyên thổ, thế thổ đều phải xét ngũ hành mà luận đoán. Tìm rộng ra như vậy mới đoán được hẳn phải chết hay không.

- Như Tuần vận bạc (như sóng dồn dập) ắt là phải chết.
- Nếu vận mộc mà thế thổ hiện ra. Trên đầu thổ hẳn là phải chết.
- Nếu bệnh nặng thì thế hiện ở xương, mà nhẹ thì hiện ở da (da chân gà).
- Nếu khám bao là vận mệnh cả năm bất vượng.
- Nếu thổ nổi là tốt lành, chìm là độc. Hoặc thấy ở thủy lại sinh thổ, là chôn thổ có phạm.
- Thổ thấy mộc, mộc lại sinh thủy, là bị chết ở sông đò (phải kiêng chôn sông đò). Hỏa mà sinh mộc động mộc ở ba bốn vị trí, ấy là bị thiêu nhà (nhà cháy).

14. Xem cho dân làng

Lại xem một quê dân làng
Nguyên Kim Phật vị, long thần tiếp theo
Thành hoàng ở vận chiêu chiêu
Chăn nuôi dân sở tại cùng đều thế cung
Ở Thiên bàn chia 5 sáu phần ở giữa cung:

- Tý: 1 là Lão,
- 2 là Ấp,
- 3 là thông suốt yên lành,
- 4 là xã trưởng chết
- 5 là khán thủ
- 6 là giai đình rõ ràng

Khảm bao: Phật đến thành hoàng, Thành hoàng đã xuất tha phương ngày rày.

Kim sinh Thủy Thế bằng nay
Thành đàn lục súc thịnh hay đó là
Thủy mà đới mộc hiện ra ở cung Tý
Ấy là phú túc đình đa an toàn
Nội ngoại thủy hoả đảo điên
Hoả thủy ở bản mệnh là liên miên

Kiện tụng chẳng lành, cung Tý chẳng thuận huyết hình, luận là ôn dịch bất bình hại dân.

Kim mà đới hoả nguyệt tuần, bệnh đa phong khí gian truân đương thời.

Cung Tý có thủy đới hoả ở đầu là: con gái dâm dục loạn luân leo tường chơi đêm.

Nếu thế hoá đối thổ ở trung ương cũng là đơn bạc đoạn thương sông hồ (chết ở sông nước)

Thủy cư vận vĩ rủi ro: đằng sau miếu có kẻ đào bới để cho dân phù biến phong.

Thủy sinh thổ tại nguyên cung, là động đất mạch của chùa khai thông những là.

Thế cung thấy thổ hiện ra, động khai địa mạch ở về Bắc phương.

Quẻ Kim sinh Thủy rõ ràng, là thành hoàng bị uế, phải tạ nhượng mới toàn.

Huyết thế tán loạn chia an, di cư nơi khác mới lành.

Tây đông mộc đối thổ ở vận cung, ví như công chúa Tông công chẳng hoà.

Mộc ở vận Hoả ấy lành, lại gặp quẻ thổ trong ngoài phò thân.

Ấy là duyên hợp Phan Trần, kìa Trâm, nọ quạt, Kim ngân sang cầu.

15. Xem quẻ cầu tài

(Dùng chân phải)

Lấy mệnh làm căn ái, quẻ hào đầu tiên.

Tương sinh là tốt, an toàn,

Tương tương khắc chẳng nên đâu mà

Mười phần thấy huyết hiện ra

Tám phần huyết ngoại tù (là bên ngoài hãm) cùng là gáp huyết:

Chỉ đồ hữu laovô ích (là có khó nhọc mà không có lợi)

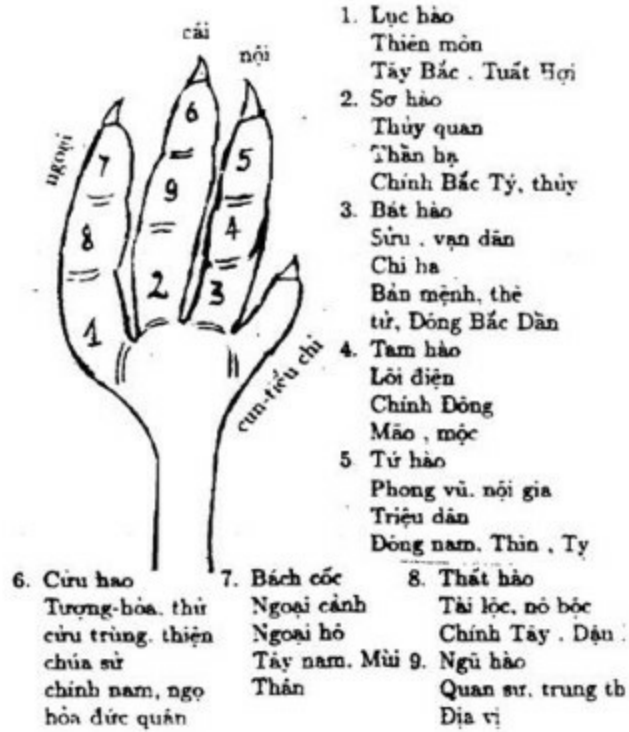
Vận hồ quẻ hoá tốt sao

Thế mộc, tý hoả ứng vào phân minh

Trong ngoài lại thấy hoả sinh

Tiền tài được lắm rành rành vui thay.

Chân phải xem cầu tài



16. Xem về xuất hành

Kim huyết tụ ở đầu vị trí Kim là: xuất hành có ngại trì trệ, việc chẳng thành.

Vận Kim: đi đâu nửa đường chẳng yên.

Thế Kim: Lập chí ắt liền âu lo.

Sinh nhập thì: đi nhanh chóng có thừa.

Khắc nhập thì đoán: y như tai nạn.

17. Xem tổng luận

Vận Kim mà bên trái, bên phải có hoả xuyên qua, là quẻ tại hoạ tự nhiên đó mà.

Vận mộc mà có mộc đối Kim ở bên, quẻ thổ có đối hoả, ấy là có người kiện, chẳng yên!

Thế mộc căn hoả (huyết hoả) bày ra, quẻ hoả lại gặp hoả huyết tụ ấy là: cháy nhà chẳng sai.

Vận hoả có đối thổ ấy là: có tai ương. Quẻ sinh có mộc cung, là có Nam nhi lại cầu.

Kim sinh ở Kim, quẻ ở đầu hoả, xem ra quẻ ấy chỉ là đôn (lôi đình). Vận Kim có mộc hiện rõ hình, Kim tuần hạ nguyên: lính binh chẳng bình.

Kim đời Kim thế có thêm lộ xa (là lộ bàng thờ) ở quẻ, ắt là buồn trâu.

Thế mộc ở vận hoả thì càng mau, quẻ sinh có hoả gia đình trọn vẹn. Thế Kim quẻ mộc khắc ở bên, xem ra quẻ ấy đột thấy có quái sự chẳng sai

Thế thủy mà thấy huyết hoả hiện bày, cho thấy rắng rết vô cơ ngoi vào sân. Thấy mộc ở thế Kim là sẽ có ga gáy báo: Song thân chẳng lành; Nếu có hai mộc thời có chim nhận sa.

Thấy thủy ở Nam, hỏa ở Bắc, đó là có cá giải quấy rầy.

Trung ương, Nam, Bắc, Đông, Tây. Kim, mộc, thủy, hoả hiện rầy tứ phương:

- Kim lòng Kim ở thế ấy rõ ràng: xem ra mất của bàng hoàng trong tâm.
- Thế Kinh sinh hoả chỉ đó là nồi đồng.
- Nếu Kim sinh mộc thời mất cây bừa.
- Kim có hoả ấy là mất tiền bạc.

- Kim Kim là giao kiếm về tay người rồi.
- Kim thổ là mất bát chén cùng nôi.

Cứ thư thế vị mà soi hay là, Mộc mà đới hoả ấy rõ ra ở bên, và tùy theo màu sắc mà luận ra tức thì. Thế mộc mà sinh hoả chi, luận rằng: vải lụa cùng tơ mất rỗng.

Khảm bao lại thấy huyết hiện bày.

Ở thế giáp với cung tý, quẻ này là mất xiêm y!

Thủy, hoả, thổ, mộc ở đầu ngón

Ấy là: Phật pháp, lời truyền chẳng sai

Ở cung giữa ngón mà thấy có kim lại hai bên tả Nam, hữu Bắc thấy có hoả bày thời đoán là: Đường niên hành binh và lại gặp chúa bán thiên.

Ở cung có thủy hiện làm lạ; Thổ sinh đoán là tam phủ rõ ràng; ở cung dưới của ngón tay mà thấy Kinh sinh, đoán là: Bị thiếu nữ yêu tình làm rỗng. Nếu mà thấy hoả Ở cung giữa ngón tay, phải đoán: quan tướng của bản tính đột nhập chẳng nhầm, nếu mà thấy thổ hiện bày, luận ra bản thổ phải tìm cho ra; nếu mộc tinh là mộc tinh sa, nếu thủy sinh là: Hà bá và ngoại là phạm nhan.

18. Xem lành hay dữ

Chính càn đột ấy bên cha, trong khôn bên mẹ, có là bình nay?

Không động ấy là anh em

- Càn khảm là động về Bá thúc,

Động này mãnh Nam;

- Tồn ly là mãnh cái hành chẳng sai (Tức là tổ thám làm)

Cô dì thì thấy ở ngoài đột đoài đó rõ bày; ở trong đột càn ấy là ở bên mình.

Ở ngoại càn là bên vợ đình ninh họ hàng, nội khôn xem đột bên chồng, ngoại khôn bên vợ rành rành quá ư.

- Lục hào (quẻ thứ 6) phát đông tiên sư.

- Ngũ hào (quẻ thứ 5) phát đông cung thành hoàng.

Nội càn là xả lệnh chi thần.

Ngoại càn là động chúa quân trên rừng.

- Thực hào Bạch Hổ thanh long,

Thời tiết biết rằng: Quỷ my ở xa.

Tiên cơ phù phép phải tra,

Hung thần mới chết nó làm đầy thôi.

Nội ly phát động trên mây,

Động vì "chúa cả" ở phương Nam.

Càn cung là đức "chúa bảy", ta liền luận ra chúa càn là ấu tị bà rải đường thư án, người ta thề nguyện.

Nội tồn là bị đức chúa bán thiên hành, gặp phải ở ngoài đông Nam đi về.

Cổ bàn khấn khứa thỉnh cầu

Ngoại t^ốn thì phải cần lấy m^ãnh cô.

19. Xem về mặt của người nào lấy

- Ngón trong động là người trong nhà lấy
- Ngón ngoài động là người ngoài lấy
- Quẻ dương là quẻ: Càn, khảm, cấn, chấn
- Quẻ âm là quẻ: Tốn, ly, khôn, đoài

Nếu dương động là người nam giới lấy

Nếu âm động là người nữ giới lấy

Ngoài phát động mà thấy co rút rồi lại là còn khả năng tìm được

Ngón cái thấy co rút lại vào trong là bất lực, khó tìm thấy.

Nếu ngón trong dấu lại thì phải cẩn thận, phải mau mau nghiêm cầm cẩn thận cái của đó còn dấu ở trong nhà chưa kịp đưa ra ngoài.

Lại phải xem ở bát quái và mười hai địa chi; phải phân chia ra mà so sánh với ngũ hành mà phán đoán:

Như ngón cun mà trở vào đốt dưới nên gấp rút tìm sẽ thấy được.

Nếu ngón cun trở vào đốt trên thì tìm chẳng thấy.

Nếu ngón cun trở vào đốt giữa thì thông thả mà tìm chỗ cất dấu sẽ thấy

Nếu ngón cun chỉ vào ngón cái thì cứ trong nhà mà tìm, gia nhân lấy

Nếu cun chỉ trong thì tìm ở phương đông

Nếu chỉ ngoài thì tìm ở phương tây

Nếu chỉ vào cái thì tìm ở phương nam

Nếu chỉ không thì tìm ở phương bắc

Và chỉ không thì tìm chẳng được

Quẻ nào như kim chi nam (ngón út) trở vào hướng cung: Cấn và chấn thì đoán là nam nhân trong nhà lấy trộm.

Nếu trở vào hướng tốn là nữ nhân trong nhà chẳng sai, manh tâm nào phải người ngoài lấy đâu.

Nếu trở vào khôn đoài thời nữ nhân ở ngoài vào lấy mà thôi.

Ở ngôi càn thấy động thì hãm nam nhân bên ngoài vào lấy.

Trong và ngoài cùng động tương xâm là trong nhà có kẻ làm nội công cho kẻ gian tham vọng, tức thì phải xét cả trong lẫn ngoài cho mau.

- Trở trong chán tốn còn gần, lâu gia sa trở mau chân đi tìm.

- Trở càn trở khảm tuyệt tằm.

Chỗ không trở ngộ (cung ngộ) chớ tìm làm chi, chỉ mùi chỉ dậu thời đi.

20. Xem phần mộ

Nguyên là: quan cùng quách

Vận là cốt nhục

Thế là quần áo

Vận thất là: thân thi chẳng còn

Thế thất: ất có tiết tự, hoặc câu toàn phát phúc thì tả và hữu phải kẹp đầu vào nhau

Ngôi tả là trường nam

Ngôi hữu là trường nữ

Nếu tả và hữu cùng khắc là: mộ chôn nơi chẳng lành

- Ở vị trí thế bên tả và hữu cùng thất đoạn là mộ mới chôn

- Chu tước có hoả, mộ đời mộ là có sự tự ải (tự tử)

Đời thủy là có hiềm hận gì mà gieo mình xuống sông chết.

- Thanh long mà thấp có thủy đời hoả là có bệnh ở gan, ở mắt, ở huyền vũ là bói toán.

Kim mà có đời hoả là chủ bị người ta kiện, hoặc bị giam giữ vì trộm cắp.

- Như thấy ở Bạch hổ có thủy là độc, có bệnh hãn chết.

- Phong là: Hủi hay điên cuồng.

- Nếu thấy ở vị trí Long hổ hai bên giao nhau như đâm nhau (hay như bắn vào nhau) tức là Long hổ giao tranh, ở vị trí đó thấy có huyết như chữ là như cái thế Long hổ chẳng quay đầu vậy.

Nếu thấy có thiên hình thì đoán là mộ bị sét đánh.

Nếu thấy ở giữa vị trí tuần không (tuần không là ở chỗ giáp giới 2 cung) có thủy bao thí luận là. Thấy thi trong mộ đó hỗn hợp (có tạp chất lẫn vào).

Nếu thấy bên Long hổ có thủy châm thì đoán là có con cháu nữ giới đa dâm đẻ ngược.

Nếu thấy ở: Đông, Tây, Nam, Bắc phương nào có ngũ hành tương sinh thì luận là: tại ngôi mộ ấy ứng.

Nếu như có thủy khẩu phóng (tuôn ra) thì cứ căn cứ hai bên tả và hữu mà luận đoán.

Nếu ba nơi đổ về ấy là phát phúc, nếu có tam cấp là tam chiếu:

Trường, trung, thứ, đó là tam cấp

Ở Nhâm Tý và Quý Hợi là thủy

Ở Giáp Ất và Dần Mão là mộc

Ở Bính Đinh và Ty Ngọ là hỏa

Ở Canh Thân, Tân Dậu là Kim

Ở Cấn là thổ

Ở Càn đoài là Kim

Ở Chấn tốn là mộc

21. Xem về việc an táng

(Dùng chân trái gà)

Lấy ngón cái là Trời đất

Lấy ngón ngoài là Thần linh

Lấy cung cấn dần làm bản mệnh chủ nhân

Lấy cung tốn ty là tôn thân tộc thuộc

Lấy cung ngộ đảo lại, chỗ nào gò cao là chỗ đất chính huyệt

Thấy cung ly có màu sắc loang lổ chỗ ấy chẳng có chân long

Ở vị trí ngộ yêu cầu là trong sạch nghiêm chỉnh, sắc tươi sáng sửa

Ở cung tốn nên tĩnh và nghiêm túc, sắc tươi cũng phù, ngón ngoài không nên duỗi thẳng ra, cung khôn nên hơi cúi như vái chào. Trỏ lên không, rất tốt đại thành. Trỏ vào giữa, thì bình an thứ cát, chỉ chìm xuống càn, khảm là người không được phát phúc, sẽ xảy ra việc tai ương, trỏ lên thượng ngộ và ly là chóng đạt công danh, ngôi đất lâu

dừng lại.

Ngón út trở vào cung tôn tỵ thì tộc thuộc (trong họ) gian nguy. Nếu huyết động ở cung tôn là chủ nhân sợ hãi.

Ngón trong mà trong cao là thần linh chẳng cho.

Ngón trong mà trong đen lồi là người và súc vật thương tàn.

Ngón ngoài thì trong nhà tài lộc được đầy đủ.

Quẻ xem an táng đã lâu, phát văn phát võ công hầu toàn gia.

Cung ly đất cát quang hoa, chẳng phiền, chẳng đảo ấy là chân long.

Ngón cái phiền (buồn ủ rũ), ngón trong uể oải chẳng hồng; ngón trong mà bình tĩnh sắc thanh phù trì. Ngón ngoài phù tốt, chẳng hồ nghi, nếu ngón ngoài dương lên thì phải cầu Thần linh, chỉ dẫn là vọng mạng lo kinh, ngón trong chỉ nội bình minh chẳng ngò, trở ly con cháu dễ thừa, lợi danh phát đạt của thừa dư muôn.

Nhược bằng chỉ khảm chỉ càn, phúc thời chẳng phát, tai nạn liên tay, chỉ nội cái ủ (ủ rũ) chẳng hay, sát thương người vật, khôn thay mọi đường, chỉ trong ngoài lại cao cường: Thần linh quái hiên chẳng nhường đất cho. Chỉ không thời chẳng phải lo, bình an vô sự, cơ đồ bền lâu.

22. Xem thăm mộ phần cũ

Khi xem việc này phải lấy cung Dần là bản mệnh, cung Dậu là cung tài lộc, âm khôn mà về lại là lao công. Dương tôn mà co ủ rũ xuống là phí sức, nếu ở cân và đoài sắc tươi tía hấn bội thu về của cải !

Nếu ở Dần và Dậu thâm đen đó là biểu thị kinh sợ thiếu mạnh (ít lớn) lại lấy huyết động mà suy gốc ngọn:

- Nếu mộ động thì rễ cây cỏ xâm phạm vào.

- Hoặc phương đông có thủy động, thì nước bùn tràn đùn vào mộ.

Hoặc ở phương Bắc có kim xâm làm trở ngại là: có gạch ngói sung vào mộ, hoặc có hoả là có tro than loạn vào. Ở cung giữa có thổ hồng, dưới (cung dưới) có thủy ngầm mộ là ứng thanh long. Hoặc bên tả có cây gỗ củi mục, bên Kim lại có thêm Bạch Hổ, hoặc xuyên qua làm trở ngại cho bên hữu; ở đằng sau lưng bên Bắc có nước chảy tràn ngập. Mặt

Nam có hoả phát nóng nhiệt! ngón cái ở các cung giữa, trên dưới đều kiên cố: chẳng nên rời đi; ngón trong ở đốt một, hai, ba như có con đường nhỏ chọc vào là bình thường, nếu chỉ ra ngoài phải cầu đảo sẽ đều yên. Nếu chỉ không là bảo toàn vô sự. Lại xem chỉ đến quẻ mộ phần an ninh để cho biết có phần được mừng.

- Ở cung chân lại có huyết rây ở về đông hoặc tây là: có rễ cây xuyên vào; bằng chung huyết động ở cung ly là ở phía Nam của mộ bức bối có than sung vào, ở phía tây có đất cát lộn vào, ở cung đoài động tĩnh thời nào có hay; ở Bắc phương bước chầy bùn lại, cho nên Ngôi Khảm động rây phải thăm. Cung giữa huyết động giao xâm ắt là dưới đất cát lằm khó nghe.

Các cung chẳng thất động hê, đó là cát triệu chẳng ly lô nào;

Chỉ không chỉ ngộ cái cao, cùng là trung khảm tốt sao chẳng rời;

Thấy cun thẳng chỉ kéo vào trong, thì dù tốn ngàn vàng, phải gấp rời đi ngay.

Cun chỉ ra ngoài thì sắm sửa cầu kỳ thần linh phù hộ, bĩ tuần mới xong.

Nếu mộc trọng là đông phương thiếu mạch, rễ cây xâm vào thăm trong quan tài hoặc tiểu. Nếu thủy động ở phương Bắc xâm lạc là bùn lầy xâm vào cùng loài lươn nhếch chui vào ăn thi. Nếu có hoả là than do loạn vào hoặc là hoả nhiệt, đoán sao kéo nhâm!

Có Kim là Bạch Hổ địa xâm, cùng chung đá đất xung tới hại nhiều. Có thổ thời thổ hỗn chẳng yên. Có thủy thời thủy hãm, đắm chiếu gia đình.

Chỉ cái trên dưới cùng trọng ấy ngôi mả tốt vô cùng vinh hoa; Chỉ nội một hai cùng ba, ấy ngôi mả xấu, ngã ra chẳng lành, chỉ ngoài cầu kỳ sắm xanh, chỉ không bình tĩnh an ninh đời đời./.

23. Xem bát quái

Khởi xem huyết và rắng ngón, ngón nào lạnh nhiều dữ ít; huyết đều là bình an.

Nếu đường huyết gấp lại về bên là độc, thì đoán là trăm sự chẳng yên những là.

Nếu thấy huyết hiện ra các hành thuộc ngũ hành ở nơi lưng ngón ắt là có sự đau yếu: ở càn là đầu; ở khảm là tai, chẳng hay: cần là tay; chấn là chân, hiện rầy như y; Tốn là phong; Ly là ở mắt định ngón út chỉ vào đầu đấy thì không nhầm; phối hợp cùng bát quái mà tìm cho ra.

24. Biểu đồ ngũ hành

Màu đỏ theo ký hiệu Kim là hình =	•
Màu đỏ theo ký hiệu Mộc là hình =	l
Màu đỏ theo ký hiệu Thủy là hình =	☵
Màu đỏ theo ký hiệu Hỏa là hình =	☲
Màu đỏ theo ký hiệu Thổ là hình =	■
Màu đỏ Kim sinh hỏa :	•☲
Màu đỏ Kim sinh mộc :	•l
Màu đỏ Kim sinh thủy :	•☵

Máu động Kim đới Hỏa :	☯
Máu động Kim đới Mộc :	☷
Máu động Mộc sinh Hỏa :	☯
Máu động Mộc sinh Kim :	☷
Huyết động hình Mộc đới hỏa :	☯
Huyết động hình Mộc đới kim :	☷
Huyết động hình Thủy sinh Kim :	☯
Huyết động hình Thủy đới Hỏa :	☯
Huyết động hình Thủy đới Thổ :	☷
Huyết động hình Thủy bao Kim :	☯
Huyết động hình Hỏa sinh Mộc :	☯
Huyết động hình Hỏa sinh Kim :	☯
Huyết động hình Hỏa sinh Thổ :	☷
Huyết động hình Hỏa đới Kim :	☯
Huyết động hình Hỏa đới Mộc :	☯
Huyết động hình Hỏa đới Thủy :	☯
Huyết động hình Thổ sinh Hỏa :	☯
Huyết động hình Thổ sinh Mộc :	☷
Huyết động hình Thổ đới Kim :	☷
Huyết động hình Thổ đới Hỏa :	☯
Huyết động hình Thổ đới Thủy :	☯

Nếu thấy ngũ hành hiện ở bên ngoài, thì căn cứ vào ngũ hành mà luận đoán:

Thí dụ:

Thấy kim thì luận đoán là mộ kim tinh, đại thể như vậy.

Hoặc ở canh tân là thận đậu mạch; Nếu thấy mộc thì luận đoán mạch ở dần mảo, giáp ất lại.

Nếu thấy ngôi trên kim khắc vào mộc thì luận cho có tội.

25. Lại bàn

Quý thân chẳng phải vô cớ mà xâm, bệnh tật không phải không có nguyên nhân mà khỏi bệnh. Ngũ hành là ngũ trạng, do cảm, nóng, lạnh hàn nhiệt mà sinh ra, sáu mạch thấu lực tinh mà động, gân cốt da lông mà làm đầu tiên. Phải luận chu toàn về bát quái, rõ về sự thịnh suy của khí huyết, thử đến xem sự vận chuyển của bốn mùa, phải xét đến các mối giây, đường mạch ngang dọc mạnh hay yếu ra sao.

- Cấn động là: ngũ đạo quý nhân, ngoài là xin thạch tinh chi đồ (lữ).

- Khảm động đến tổ tam lang, và tử nội lên quý thân, ở trên thì đoán là cao nhân, ở dưới thì đoán là loại giặc tà. Cung cấn động là do mãnh tổ từ đường bếp núc giáng tai, thần vị thiên thời, ngoại tổ, anh em tác nghiệt.

- Cung ly là hoả đức mà cun chỉ vào đây là bệnh thuộc thiên tào hành phạt, cung ly động thời gặp dịch lệ hành, nếu ở bên là thần phạt nơi xã làng, mà ở chính giữa là thần phạt bàn áp hành khiên.

- Cung chấn là Mộc mà động là do hồn của nó bị sét đánh phạt, hoặc vì một tinh ở cổ thụ ở phương đông, cung tốn gây hại mà làm cho ra bệnh phong! hoặc tổ chi bị lạc hồn, hoặc vong linh chị em trong nhà định ra chứng bệnh mà suy ra.

- Cun chi cung giữa thời cô hồn tổ làm. Chỉ bên là thổ công thần kỳ phạt; ở Đoài động là nữ yêu quấy nhiễu! ở chấn động là thần tổ, hoặc tiểu chi hoặc huyết lưu, đều thuộc thân thể mà đoán; ở khôn ở cấn ấy là ở bụng và tim đau, ở cấn là đau ở ngực và lưng, ở ly là mắt đau, ở đoài là bệnh ở mồm. Nếu ở chấn là bệnh tại khuỷu cánh tay. Nếu ở tốn là bệnh phong tả, hoặc bệnh điên cuồng, câm ngọng.

- Khảm là bệnh khí huyết, hoặc bệnh chương tả, bụng sôi. Mọi chỗ huyết chẳng động giao và chỉ không là đều không ai làm cả.

26. Các cách

(tức là các kiểu của quẻ chân gà)

1- Tứ hỷ cách

Cách này là cả 3 ngón cùng thẳng lên, hình như không dựa vào nhau, không dính vào nhau, không rối ngoặc vào nhau, có màu sắc tươi tỉnh, đó là biểu tượng hoà hợp, đều đại cát vậy.

2- Kê ba cách

Là kiểu ba đầu ngón (của ngón trong, ngón cái và ngón ngoài) đều thứ tự gói đầu ngón vào nhau và cùng dựa vào nhau, giống như hình 3 người cùng cúi theo 1 chiều, mà cùng vẫy vờn và đều có sắc tươi tỉnh, ấy là cách một nhà vui vẻ.

3- Phù cái cách

Kiểu này là: ở giữa cung ly (cung ly ở đầu ngón cái) với cung chấn và tốn như ghé vào hôn nhau, nhưng cung khảm và cung坎 lại không dính vào nhau (hơi xa cách bỏ trống) và có hỷ sắc (ở cung tốn tươi vui) ấy là biểu tượng: "Cầm giáo nhọn bên vậy, nếu ngón trong và ngoài đều như vậy là: cách nội ngoại phù cái".

4- Ủ cái cách

Kiểu này: ở đầu ngón cái co rút, có sắc ủ rũ, đó là biểu tượng chủ sẽ chuyên tay biến chuyển (có biến cố tráo trở).

5- Tinh cái cách

Kiểu này có ba móng của ngón trong cùng ghé vào ngón cái chút ít và như sợ hãi phải cúi theo, như cùng cúi vái chào, ấy là biểu tượng: "Lục khuyến" (là 6 đốt thúc đẩy nhau) nếu ngón trong và ngón ngoài đều như vậy, gọi là: "Cách dựa cái" (dựa vào ngón cái).

6- Nội náu cách

Kiểu này: Cung tốn ghé cúi vào cung ly, ly che dấu cho cung tốn, ấy là cách ẩn nấp, như vậy là mọi sự phải dè chừng nếu ngón ngoài ẩn nấp cũng vậy, gọi là "Cách ẩn nấp".

7- Nội ngăn cách

Là kiểu: ở giữa cung Tôn và cung cần có ghé dính vào ngón giữa (ngón cái) nhưng cung trung không ghé dính gì với cung chấn, mà ở đầu cung tôn lại chọc vào cung ly, đó gọi là: "Kéo ngăn quá cái" ấy là biểu tượng mọi sự có trở ngại, không nên làm ấy phải dè giặt.

8- Ngoại dương cách

(Còn gọi là ngoại ra tứ, nghĩa là ngoài uốn éo)

Kiểu này: ba móng của ngón ngoài và ba móng của ngón cái quay ngược nhau và chẳng quay vào ngón cái một chút nào.

Quẻ này nếu đem về: cầu quan, cầu tài, cầu hôn nhân là tối kỵ, nếu làm 3 việc trên đều chẳng đạt mà còn có hại.

9- Bồng cun cách

Kiểu này là: có ngón cun cúi xuống, trở vào cung khôn hay cung đoài như đóng cửa ngăn ngại, nếu ở ngón cái tươi, các điểm có kỷ sắc là có sự vui mừng, nếu ngón cái co rút lại và cúi xuống là điềm độc dữ !

Nếu thấy bồng cun tươi cái mà xem về bệnh tật thì lại càng kỵ (độc), nếu bồng cun, cùng bồng cái thì đoán như vậy !

10- Liệp cun cách

Kiểu này: có ngón út đâm séo lên và vượt qua, thấy ngón út đè lên các cung: càn, khảm, cần, đó là biểu tượng phải trì hoãn sự việc lại.

11- Ngôi cái cách

Kiểu này giống như núi đá lởm chởm gập gềnh, nó là ngón cái cao cát bồng mặt, đó là biểu tượng không hy vọng, còn chơi vơi, không chắc được việc.

12- Nội nghịch cấu cách

Kiểu này có ngón trong xông ra ngoài, bỏ rời ngón cái, mà cúi xuống, thấy rõ ở bên phải đầu ngón cái (chỗ cung ly), đó là mình đi tìm người khác, nếu ở chỗ đằng sau lưng có tươi là điềm mừng.

13- Ngoại quá cách

Là kiểu: ngón ngoài xông ra, rời ngón cái, cúi xuống dưới, thể hiện ở bên trái đầu ngón ấy là người ta tìm mình, như vậy phải nên đề phòng.

14- Máy động cách

Các đốt dưới của cả 3 ngón chẳng dính liền nhau, mà ở đầu cung tồn lại tiếp giáp với cung ly, giống như gốc cây rưa tiếp nhận mũi tên (hoặc như mũi tên chọc vào cung ly), mà ngón cái lại gần tiểu chỉ (cun) ở cung ly ấy, vậy phải dựa vào bát quái mà xem, nếu ngón trong và ngón ngoài đều như thế, thì gọi là: "Cách cặp cổ" cách này tối độc.

15- Động dẫn cách

Là kiểu cung Ly ủ rũ co gục xuống, mà ngón có cung tồn lại vươn lên cao hơn, như lưỡi dao chọt lưng từ nửa cung ly trở xuống, coi đó là biểu tượng chủ nhà có sự tranh chấp bên lòng và phải xem ngón cun chỉ vào cung nào, rồi dựa vào bát quái mà đoán. (Dù ngón trong hay ngón ngoài mà đều như vậy thì cũng cùng một phép đoán).

16- Ngoại hơn tứ cách

Kiểu này, còn gọi là thắng phụ chi hình, tức là thấy các cung: tốn, ly, khôn tranh nhau, cung ly lại cúi xuống, coi đó là: sẽ có sự đánh nhau, kiện nhau. Nếu tồn cao hơn khôn ấy là: "Nội hơn tứ cách". Khôn cao hơn tồn ấy là: "Ngoại hơn tứ cách".

17- Đề cái cách

Đầu cung ly co cúi, đầu khôn che dấu ở trên đầu cung ly, đó gọi là "Ngoại đề cái" (ngón ngoài đề trên cái), nếu ngón trong đề cái tất có loạn từ trong loạn ra ngoài đề cái hẳn có biến bên ngoài vào (loạn từ ngoài tới).

18- Thúc hầu cách

Đầu cung tồn sung chọc lại cung ly, ly cúi xuống dưới, ngón trong đè ngón cái, ngón ngoài vượt qua chèn ngón khác, đó là biểu hiện: "Bức gia" là nhà bị chèn ép.

19- Vãn nội cách

Ngón út chỉ bên tả, ấy là kéo ngón trong chỉ vào cung坎 dần, ấy là biểu hiện kho vựa bị tuôn ra (mọi sự độc). Nếu ngón út chỉ ngoài là

"Văn ngoại cách" cách này là tốt lành.

20- Tươi cái cách

Thấy đầu ngón cái ngay thẳng ổng, có vẻ sắc tươi tỉnh, không ủ rũ co rút lại, coi đó là được đại cát, cũng như vậy mà hung huyết không phạm, đó gọi là "Cách tươi cái".

HẾT